

SỞ Y TẾ HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
THỊ XÃ KỲ ANH

Số: /BVĐKKA-KHTH
V/v đề nghị gửi thư báo giá thiết bị y tế

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị xã Kỳ Anh, ngày tháng 2 năm 2025

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Trần Thị Nga - Nhân viên phòng KHTH - Số điện thoại liên hệ: 0963138798.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh, Tổ dân phố Hưng Hoà, Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
 - Gửi file scan và file word hoặc excel về email: phongvtbvdkka@gmail.com.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 04 tháng 2 năm 2025 đến trước 17h ngày 14 tháng 2 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 14 tháng 2 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Danh mục thiết bị	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này	1	Bộ
2	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này	2	Bộ
3	Máy thở	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này	1	Máy
4	Máy thận nhân tạo	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này	2	Máy
5	Máy đo chức năng hô hấp	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này	1	Máy

6	Máy điện xung điều trị	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này	1	Máy
7	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động	Mô tả cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này	1	Máy
		Tổng cộng: 07 khoản		

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh, Tổ dân phố Hưng Hoà, Phường Hưng Trí, Thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho nhà thầu 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết và có hiệu lực. Sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc và thoả thuận theo hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được đầy đủ các hồ sơ chứng từ, tài liệu liên quan, Chủ đầu tư sẽ thanh toán số tiền phải trả còn lại.

5. Các thông tin khác: Báo giá gửi theo mẫu trong Phụ lục 2 đính kèm Công văn này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kim Oanh

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số /BVĐKKA-KHTH ngày /2/2025 của Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh)

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ dụng cụ phẫu thuật nội soi ổ bụng	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi.- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE- Thiết bị có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, tờ khai hải quan, Giấy chứng nhận lưu hành/Giấy phép nhập khẩu <p>Yêu cầu cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none">Ống kính soi, hướng nhìn 30 độ, đường kính 10 mm, chiều dài làm việc 31 cm, có thể tiết trùng được ở nhiệt độ cao bằng hơi nước: 01 chiếcVỏ trocar, cỡ 11mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ, đầu vát chéo, có van bơm khí: 02 chiếcNòng trocar đầu sắc, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ: 01 chiếcNòng trocar đầu tù, cỡ 11 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ: 01 chiếcVan trocar đa chức năng cỡ 6 mm, có thể mở bằng tay hoặc mở tự động: 02 chiếcVỏ trocar cỡ 6mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ, đầu vát chéo, có van bơm khí: 02 chiếcNòng trocar đầu sắc, cỡ 6 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ: 01 chiếcNòng trocar đầu tù, cỡ 6 mm, chiều dài làm việc 10.5 cm, làm từ thép không gỉ: 01 chiếcNắp cao su đầu trocar 11 mm: 10 chiếcNắp cao su đầu trocar 6 mm: 10 chiếcỐng giảm, cho dụng cụ cỡ 5 mm khi dùng với trocar cỡ 11 mm: 01 chiếcTay cầm bằng nhựa, không khóa, phần tiếp xúc ngón tay lớn, có chân cắm đốt điện đơn cực: 03 chiếcTay cầm bằng nhựa, có khóa, phần tiếp xúc ngón tay lớn, có chân cắm đốt điện đơn cực: 02 chiếcTay cầm bằng kim loại, có khóa, phần tiếp xúc ngón tay lớn, không có chân cắm đốt điện: 01 chiếcVỏ ngoài bằng kim loại, có bọc cách điện, có đầu nổi khóa Luer để tưới rửa vệ sinh. Cỡ 5 mm, dài 36 cm: 06 chiếcHàm forceps kẹp, phần hàm dụng cụ dài 17 mm, dùng để kẹp đầu nối stapler. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếcHàm forceps kẹp và phẫu tích, phần hàm dụng cụ dài 22 mm, hoạt động kép. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếcHàm forceps kẹp, phần hàm dụng cụ dài 26 mm, hoạt động đơn, có mở lỗ, có răng cưa nhỏ mịn, không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếcHàm forceps kẹp, phần hàm dụng cụ dài 24 mm, hoạt động kép, có mở lỗ, không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếcHàm forceps kẹp, phần hàm dụng cụ dài 27 mm, hoạt động đơn, cong, có mở lỗ, không gây tổn thương. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếcLưỡi kéo cong, phần hàm dụng cụ dài 20 mm, hoạt động kép,	Bộ	1	

	<p>lưỡi có răng cưa, dạng thìa. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Tay cầm bằng nhựa, cách điện, không khóa, thiết kế cho phép truyền động trực tiếp, thao tác chính xác, thuận tiện, chân cầm đốt điện lưỡng cực chệch lên khoảng 45 độ: 01 chiếc</p> <p>Vỏ ngoài bằng kim loại, có bọc cách điện, có đầu nối khóa Luer để tưới rửa vệ sinh. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Hàm forceps lưỡng cực, phần hàm dụng cụ dài 24 mm, hoạt động kép, đặc biệt phù hợp để phẫu tích. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Điện cực phẫu tích và cầm máu, đầu hình xẻng tù, vỏ bọc cách điện, có chân cầm đốt điện đơn cực. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Điện cực phẫu tích và cầm máu, đầu hình chữ L, vỏ bọc cách điện, có chân cầm đốt điện đơn cực. Cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 02 chiếc</p> <p>Dao vi phẫu, lưỡi nhọn, thu lại được, cỡ 5 mm, chiều dài 31 cm: 01 chiếc</p> <p>Quạt nâng gan, tháo rời được, cho phép điều khiển gấp và xòe quạt bằng vỏ ngoài, diện tích quạt rộng, cấu trúc chắc chắn. Cỡ 10 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Ống tưới hút, bề mặt chống lóa, có lỗ bên hông, van khóa điều khiển bằng một tay, cỡ 5 mm, dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Bộ dây nước, bằng silicone, tiết trùng được: 01 chiếc</p> <p>Kìm kẹp kim, hàm thẳng, tay cầm dạng báng súng, có khóa hãm, chốt nhả khóa ở bên trái. Cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm: 01 chiếc</p> <p>Kìm kẹp kim, hàm cong trái, tay cầm dạng báng súng, có khóa hãm, chốt nhả khóa ở bên trái. Cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm: 01 chiếc</p> <p>Thanh đẩy chỉ, dùng trong kỹ thuật thắt nút chỉ ngoài cơ thể, cỡ 5 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Tay cầm kìm kẹp clip, bằng kim loại, có khóa giữ clip: 01 chiếc</p> <p>Vỏ ngoài kìm kẹp clip, bằng kim loại, cỡ 10 mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Hàm kẹp clip, dùng cho Clip cầm máu cỡ trung bình lớn hoặc tương đương, cỡ 10mm, chiều dài 36 cm: 01 chiếc</p> <p>Clip cầm máu Titan cỡ trung bình lớn hoặc tương đương. 10 chiếc/thanh, 16 thanh/hộp: 01 hộp</p> <p>Dây cao tần đơn cực, chân cầm 4 mm, chiều dài 3 m: 02 chiếc</p> <p>Dây cao tần lưỡng cực, chiều dài 3 m: 02 chiếc</p> <p>Dầu tra dụng cụ, 50 ml, không chứa silicone: 01 lọ</p> <p>Mỡ bôi trơn, dùng cho các van khóa: 01 chiếc</p> <p>Kem vệ sinh, 5 g, dùng cho bề mặt kính ở đầu ống soi và đầu dây dẫn sáng: 01 tuýp</p> <p>Bàn chải vệ sinh dụng cụ, dùng để cọ rửa hàm của dụng cụ: 05 chiếc</p> <p>Hộp ngâm khử khuẩn dụng cụ, kích thước: 740 x 220 x 132 mm. Bao gồm: Hộp đựng, Khay đục lỗ, và Nắp đậy: 02 chiếc</p> <p>Hộp tiết trùng và bảo quản ống soi, dùng cho 01 ống soi cứng, có gá để nắp adaptor dẫn sáng, đệm giữ ống soi bằng silicone, có nắp đậy. Kích thước: 430 x 65 x 52 mm: 01 chiếc</p> <p>Hộp tiết trùng và bảo quản dụng cụ, có đục lỗ, nắp trong suốt, 02 tầng, kích thước: 530 x 250 x 145 mm: 01 chiếc</p> <p>Forceps lưỡng cực dùng hàm bản rộng 3 mm, cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm: 01 hộp</p>			
--	---	--	--	--

		Hàm forceps lưỡng cực bản rộng 3 mm, cỡ 5 mm, chiều dài 33 cm: 03 hộp Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng			
2	Bộ dụng cụ phẫu thuật sản khoa	Yêu cầu chung: - Mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Thiết bị có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, tờ khai hải quan, Giấy chứng nhận lưu hành/Giấy phép nhập khẩu Yêu cầu cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật: Kẹp mạch máu MICRO-MOSQUITO thẳng dài 12cm: 2 cái Kẹp mạch máu Kelly cong dài 14cm: 2 cái Kẹp mạch máu CRILE thẳng dài 14cm: 2 cái Kẹp động mạch OVERHOLT, cong chữ S, dài 21cm: 1 cái Kẹp MIXTER cong dài 23cm: 1 cái Kẹp phẫu tích GEMINI cong dài 14cm: 1 cái Kẹp tử cung MOYNIHAN, dài 23cm: 1 cái Kẹp phúc mạc MIKULICZ, 1x2T, lưỡi kẹp khoẻ, dài 20cm: 1 cái Kẹp khăn BACKHAUS, dài 13cm: 4 cái Kẹp phẫu tích tiêu chuẩn, thẳng, dài 25cm: 1 cái Kẹp mô tiêu chuẩn, thẳng, 1x2 răng, dài 14.5cm: 1 cái Kẹp mô LANE, 1x2T, dài 14.5cm: 1 cái Kẹp phẫu tích POTTS-SMITH, thẳng, dài 21cm: 1 cái Kẹp mạch máu DE BAKEY không tổn thương, 2.8mm, dài 30cm: 1 cái Kẹp mạch máu DE BAKEY không tổn thương, 3.5mm, dài 30cm: 1 cái Kéo phẫu thuật thẳng, nhọn/ tù, dài 14.5cm: 1 cái Kéo phẫu thuật MAYO-STILLE cong, tù/tù, dài 17.0cm: 1 cái Kéo phẫu thuật sản khoa SIMS, cong, tù/tù, dài 23.0cm: 1 cái Kéo phẫu tích METZENBAUM-NELSON thẳng, tù/tù, dài 18.0cm: 1 cái Cán dao số 4: 1 cái Cán dao số 7: 1 cái Kẹp mang kim MAYO-HEGAR cán vàng, dài 20.0cm: 2 cái Kẹp mang kim DE BAKEY cán vàng, dài 18.0cm: 1 cái Dẫn chỉ DESCHAMPS, cong trái, sắc nhỏ, dài 20.0cm: 1 cái Dẫn chỉ KONIG, 3mm, dài 19.5cm: 1 cái Kẹp polyp ULRICH, thẳng, dài 22cm: 2 cái Kẹp FOERSTER-BALLENGER, thẳng, ngâm răng cưa, dài 25cm: 6 cái Panh sát khuẩn GROSS-MAIER, thẳng, dài 25cm: 2 cái Banh CUSHING, kích thước 14mm, dài 24cm: 2 cái Banh SENN-MILLER, răng tù, dài 16cm: 1 cái Banh VOLKMANN, dài 21.5cm, 4 răng nhọn: 2 cái Bộ banh RICHARDSON-EASTMAN, Fig 1+2: 1 bộ Bộ banh FARABEUF, Fig 1+2, dài 15cm: 1 bộ Banh ổ bụng BALFOUR, độ mở 180mm: 1 cái Đè bụng/ruột dễ uốn, dài 33cm, rộng 30mm: 1 cái Que thăm có mắt, dài 14.5cm, 2mm: 1 cái Que thăm Grooved, dài 14.5cm: 1 cái Ống hút YANKAUER, dài 270mm: 1 cái Mỏ vịt CUSCO, kích thước 85x35mm: 1 cái Mỏ vịt GRAVE, kích thước 95x35mm: 1 cái Banh âm đạo KRISTELLER, Fig.1: 1 cái Banh âm đạo KRISTELLER, Fig.3: 1 cái	Bộ	2	

		<p>Bộ que nong PRATT 8 chiếc 4.5/5-13.6/14.3mm: 1 bộ Que thăm cô tử cung cứng, có chia độ, dài 32cm: 2 cái Kẹp cô tử cung DUPLAY, cong chữ S, dài 28cm: 2 cái Nạo tử cung SIMS, tù, cứng, dài 31cm, 5mm: 1 cái Nạo tử cung SIMS, tù, cứng, dài 31cm, 6mm: 1 cái Dụng cụ loại bỏ I.U.D, dài 20cm, đường kính 3mm: 1 cái Kẹp sinh thiết cổ tử cung KEVORKIAN, chiều dài làm việc 25cm: 1 cái Thông tiểu nữ, dài 150mm, cỡ 12ch: 1 cái Kẹp ruột THOMS-ALLIS, 6x7T, dài 20cm: 2 cái Clamp kẹp ruột KOCHER, thẳng, dài 25cm: 1 cái Khay quả đậu, dài 250mm, 850ml: 1 cái Khay lưới kích thước 535x245x70mm: 1 cái Hộp tiệt trùng, kích thước 580x280x200mm: 1 cái Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng</p>			
3	Máy thở	<p>Yêu cầu chung: - Mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Thiết bị có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, tờ khai hải quan, Giấy chứng nhận lưu hành/Giấy phép nhập khẩu Yêu cầu cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật: Cấu hình cung cấp Máy chính có màn hình LCD màu, $\geq 15.6''$, cảm ứng: 01 bộ Van thở ra sử dụng nhiều lần: 02 bộ Dây thở sử dụng nhiều lần cho người lớn: 01 bộ Bộ dây thở một lần cho trẻ sơ sinh: 10 bộ Cảm biến lưu lượng: 03 bộ Bộ dây nguồn khí Oxy: 01 bộ Bộ dây nguồn khí nén: 01 bộ Phôi giá: 01 bộ Xe đẩy đồng bộ, tay đỡ dây thở: 01 bộ Bộ làm ấm làm ấm: 01 bộ Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ Tính năng kỹ thuật 1/ Tính năng chung Máy thở sử dụng cho người lớn, trẻ em và trẻ sơ sinh Có thể chọn ngôn ngữ Tiếng Việt Sử dụng được cả hai phương thức thở xâm nhập không xâm nhập và Oxy liệu pháp Giao diện trực quan, công nghệ màn hình cảm ứng kính Đèn động 360° nhấp nháy cho phép theo dõi từ mọi hướng, chia màu theo mức độ ưu tiên của báo động Có thể lựa chọn cỡ bệnh nhân là người lớn, trẻ em khi khởi động máy thích hợp với yêu cầu của bệnh viện Cảm biến oxy hoạt động dựa trên tính chất thuận từ của oxy. Máy đưa ra thông số cài đặt ban đầu dựa trên loại bệnh nhân, cân nặng. Có chức năng tự động giới hạn báo động. Có thể chọn lựa các thông số cài đặt của bệnh nhân trước đó khi bắt đầu vận hành Có chương trình kiểm tra các thành phần của hệ thống: - Âm thanh báo động - Kết nối bộ dây thở - Hiệu chỉnh cảm biến lưu lượng - Kết nối phôi giá</p>	Máy	1	

	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn cấp khí Air và oxy - Van thở <p>Có phần mềm kiểm tra tính chất bộ dây thở trước khi đưa vào sử dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ rò rỉ của bộ dây thở - Độ giãn nở của bộ dây - Trở kháng đường thở vào - Trở kháng đường thở ra <p>Tự động bù hở khí cho độ nhạy trigger và độ nhạy kỳ thở ra trong hỗ trợ áp lực</p> <p>Tự động lưu lại giá trị kiểm tra theo thời gian ngày tháng năm. Có thể cài đặt để máy tự động chuyển từ chế độ thông khí dự phòng khi ngưng thở về chế độ thông khí trước đó khi bệnh nhân thở tự nhiên trở lại. Có thể cài đặt hoãn báo động MV cao/thấp trong khoảng từ 0 đến 30 giây để giảm báo động giả không cần thiết.</p> <p>Chức năng xông khí dung đồng bộ với kỳ thở vào của bệnh nhân và duy trì thông khí phút không đổi.</p> <p>2/ Mode thở</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông khí kiểm soát thể tích, các nhịp thở bắt buộc liên tục theo máy (VC-CMV) - Thông khí kiểm soát thể tích, các nhịp hỗ trợ kiểm soát (VC-AC) - Thông khí kiểm soát áp lực, các nhịp thở bắt buộc liên tục theo máy (PC- CMV) - Thông khí kiểm soát áp lực, các nhịp hỗ trợ kiểm soát (PC-AC) <p>Thông khí kiểm soát thể tích, đồng bộ ngắt quãng với nhịp thở bắt buộc kết hợp với có hoặc không có hỗ trợ áp lực (VC-SIMV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông khí kiểm soát áp lực, đồng bộ ngắt quãng với nhịp thở bắt buộc kết hợp với có hoặc không có hỗ trợ áp lực (PC-SIMV) - Có chế độ tự động tối ưu hóa lưu lượng thở vào và giảm thiểu áp lực đường thở và cho phép bệnh nhân thở tự nhiên trong suốt chu kỳ thở (Autoflow) - Thông khí tự nhiên trên áp lực dương (CPAP) <p>3/ Các thông số thở cài đặt</p> <p>Tần số thở (RR): ≤ 0.5 đến ≥ 150 nhịp/phút Thời gian thở vào (Ti): ≤ 0.1 đến ≥ 10 giây</p> <p>Thể tích khí lưu thông (VT): ≤ 0.002 đến ≥ 3 lít Lưu lượng thở vào (Flow): ≤ 2 đến ≥ 120 L/phút Áp lực thở vào (Pinsp): ≤ 1 đến ≥ 95 cmH₂O</p> <p>Giới hạn áp lực thở vào (Pmax): ≤ 2 đến ≥ 100 cmH₂O PEEP : 0 đến ≥ 20 cmH₂O</p> <p>Áp lực hỗ trợ (Psupp): 0 đến ≥ 95 cmH₂O Thời gian áp lực đạt đỉnh: 0 đến ≤ 2 giây Nồng độ oxy (FiO₂): ≤ 21 đến 100%</p> <p>Độ nhạy trigger (Flow Trigger): 0.2 đến ≥ 15 L/phút</p> <p>4/ Liệu pháp oxy</p> <p>Dòng liên tục: 2 đến tối đa ≥ 80 L/phút FiO₂: ≤ 21 đến 100%</p> <p>5/ Các thông số theo dõi</p> <p>Áp lực đường thở: Thông khí phút Thể tích khí lưu thông Tần số thở</p>			
--	--	--	--	--

		<p>Nồng độ oxy Độ giãn nở phổi (C) Trở kháng đường thở (R) Thể tích khí phút rò rỉ (MVleak) Chỉ số thở nhanh nông (RSB) Áp lực hít vào m (NIF) Áp lực tắc nghẽn (P 0.1) 6/ Các thông số cài đặt báo động Thông khí phút thở ra: cao/thấp Áp lực đường thở: cao Nồng độ oxy thở vào: cao/thấp Tần số thở: cao Thời gian ngưng thở: 5 đến 60 giây Theo dõi thể tích: cao/thấp 7/ Các chức năng đặc biệt Phần mềm hỗ trợ hút đờm: - Tự động nhận biết ngắt kết nối - Tự động nhận biết kết nối lại - Làm giàu oxy: tối đa ≥ 3 phút - Giai đoạn hút: tối đa ≥ 2 phút Sigh:Áp lực thở dài: 0 đến 20 cmH2O - Thời gian giữa hai nhịp thở dài: 20 giây đến 180 phút - Số chu kỳ của một nhịp thở dài: 1 đến 20 lần thở ra Màn hình có chế độ ban ngày và ban đêm giúp bệnh nhân thoải mái hơn khi sử dụng vào ban đêm. 8/ Màn hình hiển thị Màn hình màu, cảm ứng ≥ 15.6 inch Độ sáng màn hình có thể điều chỉnh tự động hoặc bằng tay 9/ Nguồn điện Nguồn cấp chính: 100 đến 240 V, 50/60Hz Công suất tiêu thụ: khoảng 100W 10/ Các cổng giao tiếp ngoài: 3 cổng RS-232, 4 cổng USB, 1 cổng mạng LAN Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng</p>			
4	Máy thận nhân tạo	<p>Yêu cầu chung: - Mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Thiết bị có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, tờ khai hải quan, Giấy chứng nhận lưu hành/Giấy phép nhập khẩu Yêu cầu cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật: Cấu hình: - Máy chính: 01 chiếc - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ. bao gồm: + Bộ dây nối với dịch lọc A. B: 01 bộ (gắn sẵn) + Bộ dây nối với hệ thống nước RO: 01 dây + Bộ dây nối với hệ thống nước thải: 01 dây + Cây treo dịch truyền/ Cọc đỡ dịch môi: 01 cái + Giá đỡ quả lọc: 01 cái + Dây nguồn gắn sẵn: 01 dây + Que hút hoá chất tẩy trùng : 01 cái + Màng lọc dịch siêu sạch: 01 màng lọc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 bộ Kỹ thuật: - Khả năng chịu tải của giá treo dịch truyền: + Khả năng chịu tải tối đa: ≥ 5 kg</p>	Máy	2	

	<ul style="list-style-type: none"> - Các tín hiệu ngõ ra + Alarm in: chức năng gọi sự trợ giúp + Alarm out: hiển thị trạng thái của máy 1. Khối dây máu bên ngoài - Bơm máu động mạch: + Tốc độ bơm: ≤ 15 tới ≥ 600 ml/min đối với dây máu đường kính trong 8mm + Độ chính xác: $\pm \leq 10$ % + Đường kính dây máu: ≤ 2 đến ≥ 10 mm - Kiểm soát áp lực động mạch: + Khoảng hiển thị: ≤ -300 mmHg tới $\geq +280$ mmHg + Độ chính xác: $\leq \pm 10$ mmHg - Kiểm soát áp lực tĩnh mạch: + Khoảng hiển thị: ≤ -60 mmHg tới $\geq +520$ mmHg + Độ chính xác: $\leq \pm 10$ mmHg - Kiểm soát áp lực xuyên màng: + Khoảng hiển thị: ≤ -60 mmHg tới $\geq +520$ mmHg - Bộ phát hiện khí tĩnh mạch: + Phát hiện bong bóng khí nhờ vào bộ phát sóng siêu âm. - Bơm Heparin: + Lưu lượng truyền: khoảng từ 0 - ≥ 10 ml/h + Bolus: tối đa ≥ 5 ml /lần. + Kích cỡ xy lanh: ≥ 20 ml. - Dòng dịch tối ưu: + Lưu lượng dịch lọc (Qd) = Lưu lượng máu thực tế (Qb) x Hệ số AdaptedFlow (F) + Hệ số (F): từ ≤ 1.0 đến ≥ 2.0 với mức tăng dần 0.1 2. Khối thủy lực - Tốc độ (lưu lượng) dịch lọc: 0 – 300 – 500 – 800 ml/min - Nhiệt độ dịch: ≤ 35 °C - ≥ 39 °C - Độ dẫn điện của dịch lọc: ≤ 12.8 - ≥ 15.7 mS/cm (25 °C) - Độ chính xác: $\leq \pm 0.1$ mS/cm - Hệ thống lọc dịch thẩm phân: + Màng lọc dịch: Có + Độ cân bằng chính xác của dịch lọc: $\leq \pm 0.1\%$ so với lưu lượng dịch lọc - Siêu lọc: + Tốc độ rút ký: khoảng từ 0 - ≥ 4.00 l/h + Độ chính xác: $\leq \pm 1$ %. + Tương thích với hệ số UF của màng lọc: không giới hạn + Các thông số hiển thị : UF Goal. UF time. UF rate và UF volume (số ký cần rút . thời gian rút ký. tốc độ rút ký và số ký đã rút) - Bộ phát hiện rò rỉ máu: + Độ nhạy: ≤ 0.5 ml máu/phút (Hct = 25) với mức lưu lượng tối đa ≥ 800ml/phút. - Đo độ thanh thải trực tuyến: + Độ chính xác của độ thanh thải K: $\pm \leq 6$ % 3. Các chương trình rửa máy - Rửa đơn thuần dùng nước RO - Rửa nước nóng nhiệt độ 84°C và tuần hoàn - Rửa hóa chất nóng nhiệt độ 84°C và tuần hoàn - Rửa hóa chất nhiệt độ thường - Có thể liên kết nhiều chương trình với nhau Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng 			
--	---	--	--	--

5	Máy đo chức năng hô hấp	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Thiết bị có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, tờ khai hải quan, Giấy chứng nhận lưu hành/Giấy phép nhập khẩu <p>Yêu cầu cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái. - Phế dung kế: 01 cái. - Lưu lượng kế với cáp kết nối: 01 cái. - Cảm biến đo lưu lượng: 04 cái. - Đầu ngậm bằng nhựa: 04 cái. - Kẹp mũi: 01 cái. - Giấy in nhiệt: 01 cuộn ≥ 112 mm tương đương hoặc tốt hơn. - Dây nguồn: 01 dây. - Xilanh cân chỉnh: 01 cái. - Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ. <p>Tính năng kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màn hình màu, cảm ứng, độ phân giải $\geq 640 \times 480$ tương đương hoặc tốt hơn. - Bàn phím kết hợp chữ số và chức năng. - Ống thổi và cảm biến có thể khử trùng và vệ sinh được. - Cảm biến tích hợp trong tự động hiệu chỉnh BTPS tương đương hoặc tốt hơn. - Có tính năng khuyến khích bệnh nhi. - Khổ giấy: ≥ 112 mm tương đương hoặc tốt hơn. - Loại giấy: cuộn. - Kiểu in: in nhiệt hoặc máy in ngoài kết nối bằng usb. - Cấu hình người dùng: không giới hạn. - Loại màn hình: màn hình màu, cảm ứng; Độ phân giải: $\geq 640 \times 480$ RGB tương đương hoặc tốt hơn. - Bàn phím: kết hợp chữ số và chức năng. - Cảnh báo hết pin: âm báo, đèn. - Máy in: <ul style="list-style-type: none"> + Khổ giấy (mm): 112 tương đương hoặc tốt hơn. + Loại giấy: cuộn. + Độ phân giải máy in: <ul style="list-style-type: none"> • ≥ 200 dpi trục Y, ≥ 500 dpi trục X tương đương hoặc tốt hơn. • ≥ 300 dpi khi in bằng máy in ngoài tương đương hoặc tốt hơn. - Các thông số đo lường: <ul style="list-style-type: none"> + Hiệu chỉnh BTPS: tự động. + Hít vào / thở ra: có / có. + Đo phế dung cưỡng bức (forced profile): FVC, Best FVC, FEV0.75, FEV1, Best FEV1, FEV3, FEV6, PEF, FEV0.75/FVC, FEV1/FVC, FEV3/FVC, FEV6/FVC PIF, FIVC, FIV1, MEF75, MEF50, MEF25, FEF75, FEF50, FEF25, MMEF, FET25, FET50, MIF75, MIF50, MIF25, PEFT, FIF50, FEF50/FIF50, FEV0.75/FEV6, FEV1/ FEV6, FIV1/FIVC, Lung age, EV tương đương hoặc tốt hơn. + Đo phế dung thư giãn (relaxed profile): SVC, ERV, IRV, TV, IC, IVC tương đương hoặc tốt hơn. + Thông khí tự ý tối đa (mvv profile): MVV, MVVf, MVVt, MRf tương đương hoặc tốt hơn. + TRƯỚC / SAU kích thích phế quản: có. <p>Các giá trị dự đoán: ECCS/ERS 1993, ECCS 1983, NHANES III, Knudson 1983, Knudson 1976, Roca 1986, CRAPO 1981,</p>	Máy	1	
---	-------------------------	---	-----	---	--

		<p>ITS, Perreira – Brazil, LAM, Gore – Australian, Zapletal 1977 tương đương hoặc tốt hơn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khả năng lưu trữ: 999 bản tương đương hoặc tốt hơn. - Cấu hình người dùng: không giới hạn. - Diễn giải: Enright, ATS, BTS tương đương hoặc tốt hơn. - Khuyến khích bệnh nhi: có. - Phạm vi dòng khí (l/s): 0.025 – ≥ 16 (hít vào / thở ra) tương đương hoặc tốt hơn. - Độ chính xác (50 ml/s tới 16 l/s): $\pm 5\%$ or 50 ml/s (tùy cái nào lớn hơn) tương đương hoặc tốt hơn. - Thể tích (lít): 0 đến 8 lít tương đương hoặc tốt hơn. - Độ chính xác (0.025 tới 8l): $\pm 3\%$ or 50 ml (tùy cái nào lớn hơn) tương đương hoặc tốt hơn. - Sức cản dòng khí: < 79 Pa / l/S tương đương hoặc tốt hơn. - Hiệu chỉnh BTPS: <ul style="list-style-type: none"> + Cảm biến nhiệt độ: +10oC đến +40oC tương đương hoặc tốt hơn. + Độ chính xác: $\pm 3\%$ cho 25oC tương đương hoặc tốt hơn. + Cảm biến áp suất không khí: 700 hPa đến 1200 hPa tương đương hoặc tốt hơn. + Độ chính xác: $\pm 2\%$ tương đương hoặc tốt hơn. + Cảm biến độ ẩm tương đối: 0 đến 100 % RH tương đương hoặc tốt hơn. + Độ chính xác: $\pm 4\%$ cho 25oC, 30 tới 80 % RH tương đương hoặc tốt hơn. - Pin / Ắc quy: <ul style="list-style-type: none"> + Pin: pin lithium CR2430 tương đương hoặc tốt hơn. + Ắc quy axit chì: 1x 12 V/1.2 Ah, 48x97x52 mm tương đương hoặc tốt hơn. + Thời gian sử dụng ắc quy: <ul style="list-style-type: none"> • Lên tới 30 lần in tương đương hoặc tốt hơn. • Theo dõi tín hiệu lên tới 90 phút tương đương hoặc tốt hơn. - Bộ sạc: tích hợp, thời gian sạc từ 4 – 6 giờ tương đương hoặc tốt hơn. - Kết nối tới máy tính: USB tương đương hoặc tốt hơn. <p>Yêu cầu khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng 			
6	Máy điện xung điều trị	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Thiết bị có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, tờ khai hải quan, Giấy chứng nhận lưu hành/Giấy phép nhập khẩu <p>Yêu cầu cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật:</p> <p><u>Cấu hình gồm:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 1 cái - Dây nguồn: 1 chiếc - Hướng dẫn sử dụng: 1 bản - Ống thoát nước thải: 01 cái - Cáp điện cực 4 cốc hút: 1bộ - Điện cực cốc hút: 4 cái - Miếng đệm điện cực cốc hút: 04 cái - Cáp điện cực ovan: 2 bộ - Điện cực ovan: 4 cái - Miếng đệm điện cực ovan: 4 cái - Dây buộc điện cực: 02 cái <p><u>Thông số kỹ thuật</u></p>	Máy	1	

		<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: AC220V /60Hz - Tiêu chuẩn an toàn điện: Lớp I, loại BF - Công suất tiêu thụ: 40W - Cường độ dòng ra tối đa 40mA tại tần số 300hz, trở kháng 500Ω - Hiệu điện thế dòng ra tối đa: 136Vp-p - Tần số điều trị: 3 đến 300Hz - Lực hút tối đa: 250mmHg - Thời gian điều trị tối đa 0-15 phút - Kích thước: 450 x 350x 160 - Trọng lượng: 13kg - Cáp điện cực cốc hút: φ 14, dài 1800mm, nặng 200gram - Cốc hút: φ 75, cao 45mm, nặng 50gram - Đệm mút cho điện cực cốc hút: φ 75, dày 2mm, nặng 2gram - Cáp điện cực ovan: φ 14, dài 1800mm, nặng 80gram - Điện cực ovan: kích thước 65x85mm, trọng lượng 30gram - Đệm mút cho điện cực ovan: kích thước 52 x 70mm, dày 2mm, trọng lượng: 2gram <p>Yêu cầu khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng 			
7	Máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ tự động	<p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mới 100%, sản xuất năm 2025 trở đi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Thiết bị có đầy đủ các chứng từ CO, CQ, tờ khai hải quan, Giấy chứng nhận lưu hành/Giấy phép nhập khẩu <p>Yêu cầu cấu hình, tính năng thông số kỹ thuật:</p> <p>Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Máy tính tích hợp phần mềm bản quyền: 01 bộ - Máy in (mua tại Việt Nam): 01 bộ - Bộ lưu điện ≥ 1,5 kVA: 01 bộ - Bộ hoá chất thử máy: 100 tests - Thiết bị đo nồng độ quang huyền dịch vi khuẩn: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Tiếng Việt: 01 bộ. <p>Chỉ tiêu kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống vi sinh tự động - Chức năng chính: thực hiện định danh vi khuẩn và kháng sinh đồ. - Nguyên tắc định danh: sử dụng phương pháp đo màu hoặc tương đương - Nguyên tắc kháng sinh đồ: dựa trên kỹ thuật xác định nồng độ ức chế tối thiểu (MIC) - Công suất máy ≥ 15 test/lần - Khả năng định danh - Nhóm vi khuẩn Gram âm - Nhóm vi khuẩn Gram dương - Nhóm vi khuẩn kỵ khí và Corynebacteria - Nhóm vi khuẩn khó mọc tối thiểu gồm lậu cầu, não mô cầu, Hemophilus influenza, Moraxella catarrhalis,.. - Nhóm nấm - Khả năng làm kháng sinh đồ: - Nhóm trực khuẩn Gram âm và ESBL - Nhóm Staphylococci, Enterococci - Nhóm Streptococcus - Nhóm nấm - Chu kỳ đọc: ≤ 20 phút/lần. - Thời gian định danh các nhóm vi khuẩn 	Máy	1	

	<ul style="list-style-type: none"> - Nhóm vi khuẩn Gram âm ≤ 16 giờ - Nhóm vi khuẩn Gram dương ≤ 16 giờ - Nhóm nấm ≤ 18 giờ <p>Phần mềm:</p> <p>Kết nối với phần mềm LIS</p> <p>Có tự động phê duyệt kết quả có độ tin cậy cao tới hệ thống thông tin phòng xét nghiệm (LIS)</p> <p>Có phân tích kiểu hình kháng để nhận ra kết quả bất thường</p> <p>Có chỉ thị thông báo mức độ phù hợp của kết quả kháng sinh đồ</p> <p>Máy tính:</p> <p>Tương thích với máy. Cấu hình tối thiểu: Bộ vi xử lý core i3 trở lên; Bộ nhớ RAM ≥ 4Gb; ổ cứng ≥ 256Gb; Màn hình ≥ 17inch; chuột, bàn phím</p> <p>Máy in:</p> <p>Khổ giấy: A4</p> <p>Loại máy in: Laser</p> <p>Kết nối: USB</p> <p>Tốc độ in: ≥ 30 trang/phút</p> <p>Yêu cầu khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng 			
	Tổng cộng: 07 khoản			

PHỤ LỤC 2. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số /BVĐKKA-KHTH ngày / /2025 của Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1										
2										
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày 14 tháng 2 năm 2025.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất,
nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.